

Học Kỳ II - Năm Học 2025-2026 | Lần Thi: Tổng kết Môn

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A 15%	L 15%	M 15%	F 55%	SỐ	CHỮ	
1	28208003190	Trần Thị Thuý	An	MKT 253 F	5	8.1	8.2	1.6	4.1	Bốn phẩy một	
2	30218062729	Trương Văn Bình	An	MKT 253 F	8	8.1	7.1	2.2	4.7	Bốn phẩy bảy	
3	30208058184	Nguyễn Nhật Quỳnh	Anh	MKT 253 F	7	8.9	8.9	3.4	5.6	Năm phẩy sáu	
4	30208062734	Nguyễn Thị Trâm	Anh	MKT 253 F	4	8.4	4.5	2.8	4.1	Bốn phẩy một	
5	30206558768	Bùi Thị Ngọc	Ánh	MKT 253 F	10	8.9	9.2	4.4	6.6	Sáu phẩy sáu	
6	30208058186	Trần Thị Hồng	Ánh	MKT 253 F	9	8.9	9	6.4	7.6	Bảy phẩy sáu	
7	30208043054	Lê Thị Thiên	Bảo	MKT 253 F	9	8.9	10	5.3	7.1	Bảy phẩy một	
8	30218030579	Nguyễn Thái	Bảo	MKT 253 F	10	8.4	10	3	5.9	Năm phẩy chín	
9	30208457887	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	MKT 253 F	6	8.4	9	4.8	6.2	Sáu phẩy hai	
10	30218122064	Nguyễn Thành	Đạt	MKT 253 F	8	8.1	7.1	3.9	5.6	Năm phẩy sáu	
11	30206554488	Đình Thị Ngọc	Diễm	MKT 253 F	9	8	8	3.8	5.8	Năm phẩy tám	
12	30208062747	Nguyễn Thị	Diễm	MKT 253 F	2	5.6	2.5	0	0.0	Không	Nợ HP
13	30208062749	Phan Ngọc Kiều	Diễm	MKT 253 F	9	8	9.1	8.1	8.4	Tám phẩy bốn	
14	30208151283	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	MKT 253 F	9	8	8.6	7.2	7.8	Bảy phẩy tám	
15	30208053870	Trương Kiều	Dung	MKT 253 F	8	8	9.3	8.1	8.3	Tám phẩy ba	
16	30204946905	Phan Thị Thanh	Dương	MKT 253 F	10	8	9.5	8.7	8.9	Tám phẩy chín	
17	30218058196	Lê Nguyễn Anh	Duy	MKT 253 F	6.5	7.6	8.7	4.6	6.0	Sáu	
18	30206553792	Trần Thị Khánh	Duyên	MKT 253 F	10	8	9.5	9.5	9.4	Chín phẩy bốn	
19	30207136817	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	MKT 253 F	7	8	9.4	9.3	8.8	Tám phẩy tám	
20	30208058200	Trần Hữu	Duyên	MKT 253 F	9	8	9.1	7.7	8.2	Tám phẩy hai	
21	30206759191	H' Duyên	Êban	MKT 253 F	10	9.3	9.5	2.8	5.9	Năm phẩy chín	
22	30204931440	Trần Hương	Giang	MKT 253 F	10	9.3	8.2	1.9	5.2	Năm phẩy hai	
23	30206723094	Kiều Bích	Hạnh	MKT 253 F	10	9.3	10	8	8.8	Tám phẩy tám	
24	30206747062	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	MKT 253 F	10	9.3	8.6	3.8	6.3	Sáu phẩy ba	
25	30218034063	Vương Trí Anh	Hiếu	MKT 253 F	9	9.3	9.3	5.9	7.4	Bảy phẩy bốn	
26	30206763130	Hứa Thị	Hoa	MKT 253 F	10	9.3	8.6	9.6	9.5	Chín phẩy năm	
27	30218150086	Nguyễn Hữu Quốc	Hoàng	MKT 253 F	7	9.3	7.6	2.3	4.9	Bốn phẩy chín	
28	30208058218	Lê Minh	Huệ	MKT 253 F	9	9.3	9.3	5.6	7.2	Bảy phẩy hai	
29	30213562189	Trần Đăng	Hùng	MKT 253 F	8	9.3	9.8	6.3	7.5	Bảy phẩy năm	
30	30211133640	Đặng Văn Trường	Hưng	MKT 253 F	10	7.7	9.2	3.3	5.9	Năm phẩy chín	
31	30218034451	Nguyễn Đăng	Huy	MKT 253 F	10	7.7	9.1	4.7	6.6	Sáu phẩy sáu	
32	30208040360	Phạm Nguyên Bảo	Huyền	MKT 253 F	10	7.7	8.6	8.7	8.7	Tám phẩy bảy	
33	29216257638	Trần Ngọc Anh	Khoa	MKT 253 F	8	7.7	8.3	7.1	7.5	Bảy phẩy năm	
34	30206751605	Hồ Thị Nhật	Khuê	MKT 253 F	10	7.7	8.7	4.5	6.4	Sáu phẩy bốn	
35	30216632531	Lê Văn	Kiên	MKT 253 F	9	7.7	8.7	5.5	6.8	Sáu phẩy tám	
36	30204546609	Nguyễn Thị	Kiều	MKT 253 F	8	7.7	8.7	6.6	7.3	Bảy phẩy ba	
37	28206243786	Nguyễn Phương	Linh	MKT 253 F	7	7.7	8.9	9.4	8.7	Tám phẩy bảy	
38	30206524617	Dương Thị Khánh	Linh	MKT 253 F	9	7.1	9.5	4	6.0	Sáu	
39	30206644781	Hồ Thị Khánh	Linh	MKT 253 F	9	7.1	9.1	1.4	4.6	Bốn phẩy sáu	
40	30208049268	Đoàn Thị Thuý	Linh	MKT 253 F	9	6.8	9.3	2.9	5.4	Năm phẩy bốn	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
41	30208050084	Trần Thị Đan	Linh	MKT 253 F	8	6.3	8.1	1.4	4.1	Bốn phẩy một	
42	30208052451	Bùi Mỹ	Linh	MKT 253 F	10	7.1	10	4.7	6.7	Sáu phẩy bảy	
43	30208123052	Bế Thị Thùy	Linh	MKT 253 F	7	7.1	9.4	3.7	5.6	Năm phẩy sáu	
44	30218158047	Diêm Đăng	Lương	MKT 253 F	9	7.1	8	7.1	7.5	Bảy phẩy năm	
45	29206264960	Tôn Nữ Lê	Ly	MKT 253 F	8	7.1	5	5.3	5.9	Năm phẩy chín	
46	30208052894	Dương Thị Cẩm	Ly	MKT 253 F	10	7.1	8.1	6	7.1	Bảy phẩy một	
47	29204627597	Trần Xuân	Mai	MKT 253 F	6	6.8	9.3	1.8	4.3	Bốn phẩy ba	
48	30204653216	Võ Thị Dung	My	MKT 253 F	7	7.5	8.8	1.7	4.4	Bốn phẩy bốn	
49	30208158056	Nguyễn Thị Trà	My	MKT 253 F	7	7.5	9.1	3.1	5.2	Năm phẩy hai	
50	29208153127	Trần Thị Hoàn	Mỹ	MKT 253 F	9	7.9	9.6	7.4	8.0	Tám	
51	29208243262	Đặng Thị Ly	Na	MKT 253 F	10	7.9	10	7.9	8.5	Tám phẩy năm	
52	30208127118	Trần Thị Ny	Na	MKT 253 F	10	7.9	8.8	4.4	6.4	Sáu phẩy bốn	
53	30208148781	Nguyễn Nguyên	Nam	MKT 253 F	8	7.5	9.2	7.3	7.7	Bảy phẩy bảy	
54	30206547553	Nguyễn Thị Hồng	Nga	MKT 253 F	7	7.9	8.9	5.7	6.7	Sáu phẩy bảy	
55	30204639174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	MKT 253 F	10	7.9	8.2	2.5	5.3	Năm phẩy ba	
56	30206554648	Đỗ Thị Kim	Ngân	MKT 253 F	9	7.9	7.5	2.8	5.2	Năm phẩy hai	
57	30208162597	Võ Thị Kiều	Ngân	MKT 253 F	10	7.9	10	6.4	7.7	Bảy phẩy bảy	
58	30208220782	Phan Hồ Thiên	Ngân	MKT 253 F	8	10	9.1	2.7	5.6	Năm phẩy sáu	
59	30206253530	Nguyễn Mẫn	Nghi	MKT 253 F	7	10	8.1	4.4	6.2	Sáu phẩy hai	
60	30218028176	Lê Đăng	Nghĩa	MKT 253 F	7	8	9.6	3.1	5.4	Năm phẩy bốn	
61	30218125281	Trần Văn	Nghĩa	MKT 253 F	9	10	8.8	8.9	9.1	Chín phẩy một	
62	29206264492	Nguyễn Phan Thảo	Nguyên	MKT 253 F	10	10	10	9.6	9.8	Chín phẩy tám	
63	30208141861	Lê Thị Phương	Nguyên	MKT 253 F	9	10	8.9	7.3	8.2	Tám phẩy hai	
64	30204335755	Lưu Huỳnh Ngọc	Nhi	MKT 253 F	8	10	10	5.5	7.2	Bảy phẩy hai	
65	30208028959	Hoàng Yến	Nhi	MKT 253 F	9	10	10	9.8	9.7	Chín phẩy bảy	
66	30208058272	Nguyễn Lưu Linh	Nhi	MKT 253 F	9	10	10	9.6	9.6	Chín phẩy sáu	
67	27217145408	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	MKT 253 F	6	10	10	7.9	8.2	Tám phẩy hai	
68	30208144255	Lê Thị Ngọc	Như	MKT 253 F	8	8.7	10	7.3	8.0	Tám	
69	30204335195	Nguyễn Thị Hoài	Oanh	MKT 253 F	9	8.5	9.4	5.7	7.2	Bảy phẩy hai	
70	30204620567	Nguyễn Trịnh Hoàng	Oanh	MKT 253 F	7	8.7	10	8.8	8.7	Tám phẩy bảy	
71	30208032997	Đào Kiều	Oanh	MKT 253 F	10	8.7	10	7.9	8.7	Tám phẩy bảy	
72	30205152742	Võ Thị Minh	Phúc	MKT 253 F	9	8.5	10	9.6	9.4	Chín phẩy bốn	
73	30218064762	Trương Văn	Phước	MKT 253 F	8	8.2	7.3	5.6	6.6	Sáu phẩy sáu	
74	30208020749	Thái Lê Khánh	Quyên	MKT 253 F	9	8.5	10	6.8	7.9	Bảy phẩy chín	
75	30208164833	Trần Hồng	Quyên	MKT 253 F	10	8.7	10	8.4	8.9	Tám phẩy chín	
76	30206554721	Trần Như	Quỳnh	MKT 253 F	9	8.5	10	8.1	8.6	Tám phẩy sáu	
77	30206559025	Nguyễn Thị	Sinh	MKT 253 F	10	8.7	9.6	7.1	8.2	Tám phẩy hai	
78	30208038658	Trương Minh	Tâm	MKT 253 F	8	9.3	8.6	7.7	8.1	Tám phẩy một	
79	30216246504	Văn Công	Tấn	MKT 253 F	9	8.4	9.7	8.6	8.8	Tám phẩy tám	
80	30206720874	Trịnh Nguyên Ngọc	Thảo	MKT 253 F	10	9.3	9.5	9.8	9.7	Chín phẩy bảy	
81	30216223462	Đỗ Chí	Thiện	MKT 253 F	10	9.3	10	3.8	6.5	Sáu phẩy năm	
82	28218100992	Đỗ Hữu	Thịnh	MKT 253 F	10	9.3	9.3	4	6.5	Sáu phẩy năm	
83	30218058311	Nguyễn Phúc	Thịnh	MKT 253 F	10	9.3	8.4	2.2	5.4	Năm phẩy bốn	
84	29206257635	Nguyễn Thị	Thơ	MKT 253 F	10	9.3	9.1	6.7	7.9	Bảy phẩy chín	

THÔNG TIN SINH VIÊN				LỚP MÔN HỌC	QUÁ TRÌNH HỌC TẬP				ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
STT	Mã Sinh viên	Họ lót	Tên		A	L	M	F	SỐ	CHỮ	
85	29206258319	Võ Phan Linh	Thư	MKT 253 F	6	9.3	8.7	3.5	5.5	Năm phẩy năm	
86	29208064993	Phạm Huỳnh Anh	Thư	MKT 253 F	3	7.4	4.5	0	0.0	Không	Nợ HP
87	30204548560	Vũ Trịnh Minh	Thư	MKT 253 F	9	9.3	10	7.8	8.5	Tám phẩy năm	
88	30206554767	Phạm Nguyễn Anh	Thư	MKT 253 F	8	7.1	8.9	5.5	6.6	Sáu phẩy sáu	
89	30208053577	Nguyễn Trần Văn	Thư	MKT 253 F	5	7.1	9.1	1.8	4.2	Bốn phẩy hai	
90	30208126264	Phạm Thị Anh	Thư	MKT 253 F	8	7.5	9.3	3.4	5.6	Năm phẩy sáu	
91	30209433153	Phạm Thị Yến	Thuận	MKT 253 F	10	7.5	9.5	8.5	8.7	Tám phẩy bảy	
92	30204342917	Phạm Đỗ Anh	Thy	MKT 253 F	9	7.9	9.2	4.9	6.6	Sáu phẩy sáu	
93	30210351921	Đoàn Minh	Tiến	MKT 253 F	10	7.9	9.4	8.4	8.7	Tám phẩy bảy	
94	29204946483	Nguyễn Khánh	Trâm	MKT 253 F	6	7.5	9.9	5.2	6.4	Sáu phẩy bốn	
95	29206261145	Hà Ngọc Bào	Trâm	MKT 253 F	9	7.9	9.6	7.5	8.1	Tám phẩy một	
96	29206749497	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	MKT 253 F	10	7.9	7	7.8	8.0	Tám	
97	30206234627	Lê Trần Ngọc	Trâm	MKT 253 F	9	7.1	8.1	2.5	5.0	Năm	
98	30206554795	Ngô Thị Bảo	Trâm	MKT 253 F	10	10	9.4	7.1	8.3	Tám phẩy ba	
99	30208053344	Ngô Nguyễn Bảo	Trâm	MKT 253 F	4	10	4.9	5.2	5.7	Năm phẩy bảy	
100	30208062940	Võ Thị Bảo	Trân	MKT 253 F	10	10	8.9	9.1	9.3	Chín phẩy ba	
101	30208122755	Phạm Ngọc Huyền	Trân	MKT 253 F	10	10	10	6.5	8.1	Tám phẩy một	
102	30208148871	Võ Thị Thu	Trang	MKT 253 F	9	10	9.4	6.6	7.9	Bảy phẩy chín	
103	30208153555	Trần Thuỳ	Trang	MKT 253 F	9	10	9.4	3.1	6.0	Sáu	
104	30218058344	Trần Văn	Triều	MKT 253 F	8	8	8.3	1	4.2	Bốn phẩy hai	
105	30208244914	Lê Thị Tuyết	Trinh	MKT 253 F	10	10	10	8.9	9.4	Chín phẩy bốn	
106	30218053596	Phạm Phú	Trình	MKT 253 F	8	8	8.8	4.7	6.3	Sáu phẩy ba	
107	27217222514	Trần Văn Thanh	Tùng	MKT 253 F	4	10	3	3.3	4.4	Bốn phẩy bốn	
108	30218062953	Trần Ngô Thanh	Tùng	MKT 253 F	10	8	8.8	8	8.4	Tám phẩy bốn	
109	30208027042	Phạm Thị Tố	Uyên	MKT 253 F	9	8	8.9	8.8	8.7	Tám phẩy bảy	
110	30208058361	Nguyễn Đỗ Bảo	Uyên	MKT 253 F	10	8	10	4.2	6.5	Sáu phẩy năm	
111	30218129675	Hoàng	Vũ	MKT 253 F	5	7.5	8.8	3.2	5.0	Năm	
112	30206233476	Nguyễn Thị Yến	Vy	MKT 253 F	8	8	9.1	2.7	5.3	Năm phẩy ba	
113	30206721888	Hồ Thị	Vy	MKT 253 F	10	8	8.7	7.4	8.1	Tám phẩy một	
114	30206755017	Ngô Nhật	Vy	MKT 253 F	7	8	7.6	3.6	5.4	Năm phẩy bốn	
115	30204644088	Thái Thị Như	Ý	MKT 253 F	10	8	9.4	6	7.4	Bảy phẩy bốn	
116	30206547258	Bùi Thị Như	Ý	MKT 253 F	7	7.2	9.3	2.5	4.9	Bốn phẩy chín	
117	30208053091	Huỳnh Thị Như	Ý	MKT 253 F	8	8	8.6	4.1	5.9	Năm phẩy chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỈ LỆ	GHI CHÚ
Số Sinh viên đạt	115	98.29%	
Số Sinh viên nợ	2	1.71%	
TỔNG CỘNG	117	100%	

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 04 năm 2026

TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO

HT. TRƯỜNG ĐÀO TẠO

PHÒNG TỔNG HỢP

NGƯỜI LẬP BẢNG

ThS. Nguyễn Ân